

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH AN GIANG

Bản án số: **119/2018/DS-PT**

Ngày 04- 6- 2018

V/v tranh chấp “Tranh chấp quyền sử dụng đất, Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Huyền Trân

Ông Hoàng Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Hồ Văn Ta- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 65/2018/TLPT- DS ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2018/QĐPT- DS ngày 19 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1948 (Có mặt);

1.2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1955 (Có mặt);

1.3. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981;

1.4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (chị N và anh T): Ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 03/8/2015 (Có mặt).

Cùng cư trú: Tổ 14, ấp Bình A, xã An H, huyện CT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

- 2.1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1945 (Có mặt);
- 2.2. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1954 (Xin vắng mặt);
- 2.3. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971 (Có mặt);
- 2.4. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1977 (Có mặt);

Cùng cư trú: Tổ 14, ấp Bình A, xã An H, huyện CT, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện CT (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 328, đường L, ấp Hoà Long IV, thị trấn A, huyện CT, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2015 và các lời khai tại Tòa án, N đơn là ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn T (Chị N và anh T ủy quyền cho ông L) trình bày:

Ông L được cha mẹ là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị S cho phân đất ruộng và đất thổ cư. Ông sử dụng ổn định từ trước năm 1975, khi đo đạc đại trà ông kê khai đăng ký và đã được UBND huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với:

- Phần đất diện tích 1.997,7m², thửa đất số 136, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng đất trồng lúa, tọa lạc ấp Bình A, xã An H, huyện CT, tỉnh An Giang đã được UBND huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07050/cG ngày 18/4/2007 cho ông L và bà H.

- Căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 1.496,2m², tờ bản đồ số 6, thửa đất số 14 + 01, tọa lạc tại ấp Bình A, xã An H, huyện CT, tỉnh An Giang đã được UBND huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06429.QSDĐ/cG ngày 18/7/2002 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898923059200206 ngày 28/11/2006 cho hộ ông L.

Đầu năm 2015, ông H1 ngang nhiên ban bờ đất để trồng chuối, ớt, làm chuồng nuôi vịt lấn chiếm phần đất của hộ gia đình ông bà có diện tích khoảng 60m² (ngang khoảng 1,5m dài khoảng 40m) tiếp giáp phần đất ông H1 đang cất nhà ở. Sự việc đã được UBND xã An H hòa giải ngày 04/8/2015 nhưng không thành.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị L1, chị Nguyễn Thị H2 và anh Nguyễn Văn H3 ngang nhiên lấn chiếm phần đất cây lâu năm, đất ao và đất ruộng với hình thức dùng rào và xây gạch cuốn nền làm

ranh. Ông H1 dùng bình xịt thuốc diệt cỏ, xịt vào đám cỏ ông trồng để nuôi bò làm thiệt hại số tiền 2.000.000đ nhưng nay ông xin rút lại yêu cầu khởi kiện.

Nay ông L, bà H, chị N và anh T yêu cầu ông H1, bà L1, chị H2 và anh H3 phải trả lại phần đất diện tích 1.997,7m² tại các điểm 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 59, 58 và phần đất diện tích 1.303,3m² tại các điểm 64, 65, 66, 67, 68, 58, 59, 60 của Bản đồ hiện trạng ngày 29/8/2016 của Văn Phòng Đăng ký đất đai chi nhánh CT.

Tại bản tự khai ngày 18/11/2015, Đơn phản tố ngày 21/12/2015 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn là ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị L1, chị Nguyễn Thị H2 và anh Nguyễn Văn H3 trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ của ông H1 và ông L là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị S để lại. Do trước đây đất có tranh chấp nên cha mẹ có ủy quyền lại cho ông tham gia giải quyết khiếu nại đối với những người lấn chiếm đất. Vụ án chưa được giải quyết bằng quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì ông Đ chết. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông phải đi làm ăn xa. Đến năm 2005 trở về thì được biết diện tích đất của cha mẹ để lại đã được ông L đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06429 ngày 18/7/2002 cho hộ gia đình ông L đối với phần đất diện tích 1.946,20m².

Năm 2006 cho đến nay ông liên tục khiếu nại đến UBND huyện CT Phòng Tài Nguyên và môi trường để yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Do ông L kê khai và đứng tên phần đất của cha mẹ trong lúc ông đi làm ăn xa và không được sự đồng ý của ông. Tuy nhiên, việc khiếu nại của ông bị các cơ quan Nhà nước đùn đẩy và không giải quyết dứt điểm, sự việc kéo dài cho đến nay.

Năm 2015 đến nay ông, bà L1, bà Hiền, ông H3 quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất tranh chấp nêu trên, ông L chỉ sử dụng phần nhà đất của ông L.

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H, chị N, anh T. Ông, bà có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06429.QSĐĐ/cG do UBND huyện CT cấp ngày 18/7/2002 cho hộ ông L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07050/cG ngày 18/4/2007 cấp cho ông L và bà H do cấp sai đối tượng, ông H1 không ký tên trên hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L.

Tại phiên tòa hôm nay, ông xin rút lại yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06429.QSĐĐ/cG ngày 18/7/2002 cho hộ ông L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07050/cG ngày 18/4/2007 cho ông L và bà H. Ông không yêu cầu Tòa án giám định chữ viết, chữ ký của ông tại Biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất ngày 11/12/1999 và Biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất ngày 02/4/2007.

Tại Công văn số 836/UBND-NC ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện CT có nội dung: Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn L do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh CT cung cấp, Ủy ban nhân dân huyện CT có ý kiến như sau:

1. Ông Nguyễn Văn L được UBND huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06429/cG ngày 18/7/2002. Khu đất thuộc tờ bản đồ 06, thửa số 14 và thửa 01, tổng diện tích 1.496m², loại đất ở tại nông thôn, đất trồng cây lâu năm khác và đất ao, tọa lạc tại xã An H, huyện CT, tỉnh An Giang. Toàn bộ hồ sơ gồm có: Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Biên bản xác định ranh giới-mốc giới khu đất; Hồ sơ kỹ thuật khu đất; Tờ trình về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Danh sách cá nhân; Hộ gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ Quyết định 283/1999/QĐ-UBND ngày 13/02/1999 của UBND tỉnh An Giang ban hành bản quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất chuyên dùng, đất vườn tại nông thôn. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn L, UBND huyện CT đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định.

2. Ngày 18/4/2007, UBND huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07050/cG cho ông L và bà H, khu đất thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 136, diện tích 1.997,7m², tọa lạc xã An Hòa, huyện CT, tỉnh An Giang. Hồ sơ gồm có: Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Thông báo về việc công khai hồ sơ đăng ký đất; Biên bản kết thúc công khai kết quả xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; Tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất.

Căn cứ Quyết định số 777/2005/QĐ- UBND ngày 30/3/2005 của UBND tỉnh An Giang quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L và bà H, UBND huyện CT đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS- ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị L1, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn H3 trả lại cho ông L, bà H, chị N, anh T diện tích đất lấn chiếm như sau:

Đất ruộng có diện tích 1.997,7m² tại các điểm 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 59, 58 của Bản đồ hiện trạng ngày 29/8/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi

nhánh CT. Đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AH 830588, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07050/cG cấp ngày 18/4/2007, diện tích 1.997,7m²; Thửa đất số 136; Tờ bản đồ số 2; Mục đích sử dụng: Đất trồng lúa. Đất tọa lạc ấp Bình A, xã An H, huyện CT, tỉnh An Giang. Đứng tên ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị H.

Đất ao, đất cây lâu năm, đất thổ cư có diện tích 1.303,3m² tại các điểm 64,65,66,67,68,58,59,60 của Bản đồ hiện trạng ngày 29/8/2016 của Văn Phòng Đăng ký đất đai chi nhánh CT. Đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số V 390220, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06429.QSDĐ/cG cấp ngày 18/7/2002, diện tích 1.496,2m²; Tờ bản đồ số 6, thửa đất số 14, 01. Trong đó thửa đất số 14 có diện tích 1.179,9m² gồm: 600m² đất thổ cư, 561,10m² đất lâu năm khác và 18,80m² đất hành lang lộ giới, thửa đất số 01 có diện tích 316,30m² đất ao. Đất tọa lạc cặp lộ giao thông nông thôn (rạch kênh ông Quýt), thuộc ấp Bình A, xã An H, huyện CT, tỉnh An Giang. Đứng tên hộ Nguyễn Văn L.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn T đối với ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị L1 về việc yêu cầu ông H1, bà L1 bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 2.000.000đ.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị L1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số AH 830588, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07050/cG, cấp ngày 18/4/2007, diện tích 1.997,7m², thửa đất số 136, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa. Đất tọa lạc ấp Bình A, xã An H, huyện CT, tỉnh An Giang. Đứng tên ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số V 390220, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06429.QSDĐ/cG, cấp ngày 18/7/2002, diện tích 1.496,2m², tờ bản đồ số 6, thửa đất số 14, 01. Trong đó Thửa đất số 14 có diện tích 1.179,9m² gồm: 600m² đất thổ cư, 561,10m² đất lâu năm khác và 18,80m² đất hành lang lộ giới, thửa đất số 01 có diện tích 316,30m² đất ao. Đất tọa lạc cặp lộ giao thông nông thôn (rạch kênh ông Quýt), thuộc ấp Bình A, xã An H, huyện CT, tỉnh An Giang. Đứng tên hộ Nguyễn Văn L.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 02 năm 2018, ông Nguyễn Văn H1 có Đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS- ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, xét đơn kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Văn H1, đề xuất áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L theo Giấy ủy quyền ngày 03/8/2015. Sự ủy quyền của các đương sự phù hợp với Điều 138 và Điều 140 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Lê Thị L1 là bị đơn trong vụ án có Đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa ngày 21/5/2018 và Ủy ban nhân dân huyện CT là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

Ông Nguyễn Văn H1 kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông H1 theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang.

Xét kháng cáo của ông H1, nhận thấy phần đất đang tranh chấp ông L được cha mẹ là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị S cho phần đất diện tích 1.997,7m², thửa đất số 136, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng đất trồng lúa, tọa lạc ấp Bình A, xã An H, huyện CT, tỉnh An Giang đã được UBND huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 07050/cG ngày 18/4/2007 cho ông L, bà H và căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 1.496,2m², tờ bản đồ số 6, thửa đất số 14 và 01, tọa lạc tại ấp Bình A, xã An H, huyện CT, tỉnh An Giang đã được UBND huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06429 QSDĐ/cG

ngày 18/7/2002 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898923059200206 ngày 28/11/2006 cho hộ ông L.

Xét thấy, phần đất đang tranh chấp hộ ông L đã sử dụng ổn định, lâu dài từ trước năm 1975 đến nay và hàng năm đều có đóng thuế cho Nhà nước theo quy định. Năm 2015, gia đình ông H1, bà L1 vào sử dụng phần đất diện tích 1.997,7m² theo Bản đồ hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh CT lập ngày 29/8/2016 được giới hạn bởi các điểm 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 59, 58. Tại Biên bản xác định ranh giới sử dụng đất ngày 02/4/2007 các chủ sử dụng đất giáp ranh là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H4, ông Huỳnh Trung H5 ông Chế Văn C và ông Nguyễn Văn K đều có ký tên, được UBND xã An H xác nhận và UBND huyện CT xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07050/cG ngày 18/4/2007 cho ông L, bà H được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Còn đối với phần đất diện tích 1.303,3m² theo Bản đồ hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh CT lập ngày 29/8/2016 được giới hạn bởi các điểm 64, 65, 66, 67, 68, 58, 59, 60 về 64, tại Biên bản xác định ranh giới sử dụng đất ngày 11/12/1999 các chủ sử dụng đất giáp ranh là ông Võ Thành S1, bà Lê Thị L1, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L2, Nguyễn Văn L3 đều có ký tên, được UBND xã An H xác nhận và UBND huyện CT xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06429 QSDĐ/cG ngày 18/7/2002 cho hộ ông L được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Án sơ thẩm đã buộc ông H1, bà L1, chị H2, anh H3 cùng có nghĩa vụ giao trả cho ông L, bà H, chị N, anh T phần đất diện tích 1.997,7m² và phần đất diện tích 1.303,3m² là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu của ông H1, bà L1, chị H2, anh H3 yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 07050/cG ngày 18/4/2007 do UBND huyện CT cấp cho ông L, bà H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06429 QSDĐ/cG ngày 18/7/2002 do UBND huyện CT cấp cho hộ ông L. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H1, bà L1, chị H2, anh H3 đã rút yêu cầu xin hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu của ông H1, bà L1, chị H2, anh H3 là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất đề xuất của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

[4] Về cho phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H1, bà L1, chị H2 anh H3 phải giao lại cho ông L số tiền 3.614.000đ chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của ông H1 không được chấp nhận nên ông H1 phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số TU/2016/03340 ngày 08/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

Ông H1, bà L1, chị H2, anh H3 phải nộp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số TU/2016/034 ngày 31/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

Ông L, bà H, chị N, anh T được nhận lại 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số TU/2016/0008615 ngày 26/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS- ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang.

3. Buộc ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị L1, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn H3 cùng có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn T phần đất diện tích 1.997,7m², tọa lạc ấp Bình An 1, xã An Hoà, huyện CT, tỉnh An Giang theo Bản đồ hiện trạng do Văn Phòng Đăng ký đất đai chi nhánh CT lập ngày 29/8/2016 được giới hạn bởi điểm 74,75,76,77,78,79,80,59,58. Đất đã được UBND huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 07050/cG ngày 18/4/2007 cho ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị H.

4. Buộc ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị L1, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn H3 cùng có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn T phần đất diện tích 1.303,3m², tọa lạc tại ấp Bình A, xã An H, huyện CT, tỉnh An Giang theo Bản đồ hiện trạng do Văn Phòng

Đăng ký đất đai chi nhánh CT lập ngày 29/8/2016 được giới hạn bởi các điểm 64, 65, 66, 67, 68, 58, 59, 60 về 64. Đất đã được UBND huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06429/QSDĐ/cG ngày 18/7/2002 cho hộ ông Nguyễn Văn L.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn T yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị L1 bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 2.000.000đ.

6. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị L1 yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 07050/cG ngày 18/4/2007 cấp cho ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06429/QSDĐ/cG ngày 18/7/2002 cấp cho hộ Nguyễn Văn L.

7. Về cho phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị L1, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn H3 phải giao lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền 3.614.000đ (Ba triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng) chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ.

8. Về án phí:

8.1. Ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn T được nhận lại 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số TU/2014/0008615 ngày 26/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

8.2. Ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị L1, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn H3 phải nộp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số TU/2015/0000034 ngày 31/12/2015 và số TU/2016/0003340 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh AG;
- TAND H.CT;
- THA DS H.CT;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Thúy Hà